

**BẢNG THỐNG KÊ CƠ CẤU ĐỘ TUỔI, GIỚI TÍNH, TRÌNH ĐỘ GIÁNG VIÊN,
NGHIÊN CỨU VIÊN CỦA KHOA SINH HỌC**

Năm 2023

1. Bảng thống kê số liệu khoa sinh học

STT	Họ và tên	Học hàm/Học vị	Giới tính	Năm sinh	Chức danh
1	Lê Quang Vượng	Tiến sĩ	Nam	1973	Giảng viên
2	Lê Thị Thúy Hà	Tiến sĩ	Nữ	1970	Giảng viên
3	Lê Thị Hương	Phó giáo sư	Nữ	1986	Giảng viên CC
4	Nguyễn Thị Giang An	Tiến sĩ	Nữ	1970	Giảng viên
5	Ông Vĩnh An	Tiến sĩ	Nam	1969	Giảng viên
6	Hồ Anh Tuấn	Tiến sĩ	Nam	1980	Giảng viên
7	Nguyễn Thị Việt	Tiến sĩ	Nữ	1986	Giảng viên
8	Nguyễn Thị Kim Dung	Thạc sĩ	Nữ	1979	Chuyên viên
9	TS. Phan Xuân Thiệu	Tiến sĩ	Nam	1978	Giảng viên
10	TS. Tôn Thị Bích Hoài	Tiến sĩ	Nữ	1980	Giảng viên
11	Đào Thị Minh Châu	Tiến sĩ	Nữ	1985	Giảng viên
12	Phạm Thị Như Quỳnh	Thạc sĩ	Nữ	1979	Giảng viên
13	Trần Thị Gái	Tiến sĩ	Nữ	1986	Giảng viên
14	Nguyễn Thị Thảo	Tiến sĩ	Nữ	1980	Giảng viên
15	Trần Huyền Trang	Tiến sĩ	Nữ	1986	Giảng viên
16	Nguyễn Đình Nhâm	Phó giáo sư	Nam	1968	Giảng viên CC

2. Phân tích cơ cấu cho thấy:

Phân bố theo học hàm/học vị

Học hàm/Học vị	Số lượng	%
Phó giáo sư	2	12.50%
Tiến sĩ	13	81.25%
Thạc sĩ	3	18.75%

- ❑ **Tiến sĩ** chiếm tỷ lệ cao nhất với 81.25%, cho thấy đội ngũ giảng viên có trình độ học vấn cao.
- ❑ **Thạc sĩ** chiếm 18.75%, cho thấy có một số giảng viên với học vị thấp hơn.
- ❑ **Phó giáo sư** chiếm 12.50%, cho thấy có một số ít giảng viên với học hàm cao hơn.

3. Phân bố theo giới tính

Giới tính	Số lượng	%
Nam	6	37.50%
Nữ	10	62.50%

- ❑ **Nữ** chiếm ưu thế với 62.50%, cho thấy đội ngũ giảng viên có tỷ lệ nữ cao hơn.
- ❑ **Nam** chiếm 37.50%, cho thấy có sự hiện diện đáng kể của giảng viên nam.

4. Phân bố theo độ tuổi

Để phân tích độ tuổi, tính tuổi hiện tại (2024) cho từng cá nhân và phân loại vào các khoảng sau:

- ❑ **< 40 tuổi:** Sinh từ 1984 trở đi
- ❑ **40 - 50 tuổi:** Sinh từ 1974 đến 1983
- ❑ **50 - 60 tuổi:** Sinh từ 1964 đến 1973
- ❑ **> 60 tuổi:** Sinh trước 1964

Tính tuổi hiện tại (2024) cho từng cá nhân:

Khoảng tuổi	Số lượng	%
< 40 tuổi	6	37.50%
40 - 50 tuổi	6	37.50%
50 - 60 tuổi	4	25.00%
> 60 tuổi	0	0%

- ❑ **< 40 tuổi:** 37.50% của giảng viên, cho thấy có một nhóm đáng kể giảng viên trẻ.
- ❑ **40 - 50 tuổi:** 37.50% của giảng viên, cho thấy đội ngũ có sự phân bố đều giữa các nhóm tuổi trung niên.
- ❑ **50 - 60 tuổi:** 25.00% của giảng viên, cho thấy có một nhóm giảng viên có nhiều năm kinh nghiệm.
- ❑ Không có giảng viên nào trên 60 tuổi, cho thấy đội ngũ giảng viên còn tương đối trẻ.

5. Phân bố theo chức danh

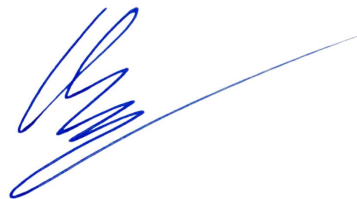
Chức danh	Số lượng	%
Giảng viên	13	81.25%
Giảng viên CC 2		12.50%
Chuyên viên	1	6.25%

- **Giảng viên** là chức danh phổ biến nhất với 81.25%, cho thấy số lượng giảng viên đứng lớp chính là chủ yếu.
- **Giảng viên CC** chiếm 12.50%, cho thấy có một số giảng viên với chức danh đặc thù.
- **Chuyên viên** chiếm 6.25%, cho thấy có sự hiện diện của các chuyên viên trong đội ngũ.

Tóm tắt

- **Học hàm/học vị:** Đội ngũ giảng viên chủ yếu là Tiến sĩ (81.25%), với một số ít Thạc sĩ (18.75%) và Phó giáo sư (12.50%).
- **Giới tính:** Nữ chiếm ưu thế với 62.50% so với Nam (37.50%).
- **Độ tuổi:** Đội ngũ giảng viên phân bố đều giữa các khoảng tuổi, với nhóm tuổi < 40 và 40 - 50 tuổi chiếm tỷ lệ cao.
- **Chức danh:** Hầu hết giảng viên đều là Giảng viên (81.25%), các chức danh khác như Giảng viên CC và Chuyên viên có tỷ lệ thấp hơn.

Trưởng khoa



TS. Lê Quang Vượng